

Bản án số: 01/2017/HSST
Ngày 05-10- 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Nghiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan

Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Lý, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 156/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Lù Văn V, tên gọi khác: (M), sinh năm: 1987; nơi ĐKKHKT: Thôn NT, xã BC, huyện BT, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Phù Lá; quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: không; con ông: Lù Văn Ph (đã chết) và bà Sùng Khái S; sống chung như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) với Đinh Thị Hoa Th, có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2017 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**

- Lò Thị Q, sinh năm: 1993; nơi ĐKNKTT: Bản M4, xã QH, huyện PY, tỉnh Sơn La (có mặt).

- Đinh Thị H, sinh ngày: 22/12/1998; nơi ĐKNKTT: Bản M4, xã QH, huyện PY, tỉnh Sơn La (có mặt).

- Lò Thị T, sinh ngày: 28/02/1998; nơi ĐKNKTT: Bản M4, xã QH, huyện PY, tỉnh Sơn La (vắng mặt do chưa về Việt Nam).

*** Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Lò Thị T:** Bà Sa Thị Tr, sinh năm 1969; nơi ĐKNKTT: Bản M4, xã QH, huyện PY, tỉnh Sơn La (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đinh Thị A, sinh năm: 1964; nơi ĐKNKTT: Bản M4, xã QH, huyện PY, tỉnh Sơn La (Có mặt).

- Anh Lù Văn M, sinh năm: 1993; nơi ĐKNKTT: Thôn NT, xã BC, huyện BT, tỉnh Lào Cai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5/2013, Lù Văn V từ nhà ở thôn NT, xã BC, huyện BT, tỉnh Lào Cai đi đến địa phận huyện PY, tỉnh Sơn La với mục đích để tìm mua đá Thanh anh. Khi đến PY, Vang làm quen và nghỉ tại gia đình ông Lò Văn L và bà Sa Thị Tr ở bản M4, xã QH, huyện PY. Trong thời gian 7 ngày ở nhà ông L, V nói tên là Hoàng Thế V, biết gia đình ông L có hai con gái là Lò Thị Q, sinh ngày 28/7/1993 và Lò Thị T, sinh ngày 28/02/1998; V đã làm quen với Q, sau đó V nảy sinh ý định đưa Q và T sang nước Trung Quốc để bán làm vợ cho người đàn ông Trung Quốc.

Ngày 09/12/2013, V tiếp tục đến gia đình ông L, bà Tr; V nói với ông L, bà Tr và Q là *V có em trai họ làm chủ Công ty giày da ở Lào Cai, nếu Q và T muốn đi làm thì V sẽ xin cho, lương tháng từ 5 triệu đến 8 triệu đồng trên tháng.* Nghe V nói vậy, ông L, bà Tr và Q đồng ý. Ngày 11/12/2013, V dùng xe máy không rõ biển kiểm soát (do vang mượn) chở Lò Thị Q đi từ huyện PY, tỉnh Sơn La qua tỉnh Yên Bái đến tỉnh Lào Cai và đi theo đường tiểu ngạch sang địa phận huyện HK, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Sau đó, V gọi điện thoại liên lạc với Sùng Phà Th (tức C) là em họ của V đang ở Trung Quốc bảo Th đến đón V rồi đưa V và Q vào một nhà trọ tại HK để nghỉ; V nói với Q phải đợi khi nào đủ từ 2 đến 3 người thì mới đi làm được và bảo Q rủ thêm em gái là Lò Thị T cùng đi làm cho có bạn. Q nhất trí đã gọi điện thoại cho T rủ T cùng đi làm và cho V số điện thoại của T để liên lạc, T nhất trí. Ngày 19/12/2013, V quay lại PY để đón T. Đến ngày 21/12/2013, V đưa T đi bằng xe khách đến Lào Cai. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho Đinh Thị H, sinh ngày 22/12/1998 (là bạn T, lúc đó H đang ở PN, tỉnh Hưng Yên) rủ H cùng đi làm với T ở Lào Cai, hẹn gặp H tại bến xe khách thành phố YB để cùng đi. H đồng ý và đi xe khách từ Hưng Yên đến bến xe Yên Bái thì gặp T và V. Khi gặp nhau, V đưa T, H đến Lào Cai rồi đi theo đường tiểu ngạch để sang Trung Quốc và gọi điện cho Th ra đón đưa đến chỗ Q đang ở trọ tại HK - Trung Quốc. Tại đây, V thỏa thuận thống nhất với Th là bán Q, T, H cho Th với số tiền 9000 NDT (tương đương 30 triệu đồng tiền Việt Nam), còn Th bán Q, Th, H được bao nhiêu tiền thì Th lấy; Th đã đưa trước cho V 1.600 NDT (khoảng 5 triệu đồng tiền Việt Nam). Sau đó, Th đã bán Lò Thị Th cho một người đàn ông Trung Quốc không rõ tên địa chỉ lấy làm vợ; bán Lò Thị Q cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Chang Chung Ch, bán Đinh Thị H cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Tùng Ph (đều không rõ địa chỉ) lấy làm vợ. Khoảng một tuần sau, V tìm gặp Th để lấy nốt số tiền còn lại nhưng

không gặp được Th, không biết Th đã đi đâu, làm gì.

Đối với Lò Thị Q, Lò Thị T, Đinh Thị H: Sau khi bị bán làm vợ cho người đàn ông Trung Quốc, Lò Thị Q đã bỏ trốn đến được Đồn Công an Trung Quốc trình báo, đến ngày 12/8/2014 Lò Thị Q được Công an Trung Quốc trao trả về Việt Nam. Ngày 20/12/2016, Đinh Thị H cũng được Công an Trung Quốc giải cứu và trao trả về Việt Nam. Còn Lò Thị Th hiện chưa trở về Việt Nam, không rõ đang ở đâu.

Sau khi sự việc xảy ra, các bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại có yêu cầu bị cáo Lù Văn V phải bồi thường các khoản tiền về tổn thất tinh thần, thể chất theo quy định của pháp luật. Gia đình bị cáo do Lù Văn M, sinh năm 1993; trú tại: xã BC, huyện BT, tỉnh Lào Cai (em trai bị cáo làm đại diện) đã bồi thường cho Lò Thị Q số tiền 25.000.000đ, cho Lò Thị Th (do bà Sa Thị Tr, sinh năm 1969 là mẹ đẻ làm đại diện) số tiền 30.000.000đ, cho Đinh Thị H (do bà Đinh Thị A, sinh năm 1964 là mẹ đẻ làm đại diện) số tiền 30.000.000đ. Tổng số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường cho các bị hại là 85.000.000đ.

Đối với Sùng Phà Th (tức C) là người Lù Văn V khai đã bán các bị hại cho Th, sau đó Th đã bán các bị hại cho những người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ. Kết quả điều tra xác định: Sùng Phà Th, sinh năm 1989; trú tại: Bản M2, xã XH, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Sùng Phà Th không có mặt tại địa phương từ năm 2010 cho đến nay, không biết làm gì, ở đâu; do vậy không có căn cứ để điều tra xác minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La sẽ tiếp tục điều tra làm rõ về hành vi có liên quan của Sùng Phà Th, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Do có hành vi trên, tại cáo trạng số 29/VKS-P2 ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lù Văn V về tội Mua bán người, theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự và tội Mua bán trẻ em, theo điểm d, e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lù Văn V phạm tội Mua bán người và tội Mua bán trẻ em.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm d, e khoản 2 Điều 120; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lù Văn V từ 03 đến 04 năm tù về tội Mua bán người; từ 09 đến 10 năm tù về tội Mua bán trẻ em. Tổng hợp hình phạt của hai tội.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho những người bị hại, tổng số tiền 85.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của những người bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện PY, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 09/12/2013, Lù Văn V đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối như đưa ra thông tin là sẽ xin việc làm cho Lò Thị Q và Lò Thị T tại Công ty giày da ở Lào Cai, Việt Nam, nhưng mục đích là để đưa Q và T sang Trung Quốc bán cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ. Ngày 11/12/2013, Vang đã đưa Lò Thị Q đi từ huyện PY, tỉnh Sơn La đến địa phận nước Trung Quốc, đến ngày 21/12/2013 V tiếp tục đưa Lò Thị T và Đinh Thị H sang Trung Quốc. Sau đó, V đã bán Q, T, H cho Sùng Phà Th với số tiền là 9000 NDT (tương đương 30 triệu đồng tiền Việt Nam) và V đã được Th trả trước cho 1.600 NDT (khoảng 5 triệu VNĐ), sau đó Th tiếp tục bán Q, T, H cho những người đàn ông Trung Quốc để lấy làm vợ. Tính đến ngày bị đưa bán sang Trung Quốc, Lò Thị T mới được 15 tuổi 9 tháng 23 ngày, Đinh Thị H được 14 tuổi 11 tháng 21 ngày.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại và phù hợp với biên bản giao nhận nạn nhân bị buôn bán của Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Lào Cai, biên bản nhận dạng giữa những người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với bị cáo Vang.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: bị cáo Lù Văn V đã có hành vi lừa dối để đưa Lò Thị Q, Lò Thị T, Đinh Thị H bán sang Trung Quốc (*tính đến thời điểm vụ việc xảy ra, Lò Thị Q trên 18 tuổi, Lò Thị T được 15 tuổi 9 tháng 23 ngày, Đinh Thị H được 14 tuổi 11 tháng 21 ngày*) vi phạm tình tiết định khung hình phạt “Để đưa ra nước ngoài” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm và tình tiết định khung hình phạt “Đối với nhiều trẻ em; Để đưa ra nước ngoài” quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của con người và

quyền được chăm sóc giáo dục của trẻ em được Hiến pháp quy định và được pháp luật bảo vệ nên cần có một mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét về nhân thân của bị cáo: trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; bị cáo và gia đình bị cáo đã tích cực bồi thường cho những người bị hại để khắc phục hậu quả, do đó, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử dưới khung hình phạt để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 3 Điều 120 Bộ luật Hình sự, song xét thấy bị cáo hoàn cảnh khó khăn không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo do anh Lù Văn M (em trai bị cáo) đã thỏa thuận bồi thường tiền tổn thất tinh thần, thể chất cho Lò Thị Q số tiền 25.000.000đ, cho Lò Thị T (do bà Sa Thị Tr là mẹ đẻ làm đại diện) số tiền 30.000.000đ, cho Đinh Thị H (do bà Đinh Thị A là mẹ đẻ làm đại diện) số tiền 30.000.000đ.

Tại phiên tòa, người bị hại Lò Thị Q, Đinh Thị H và người đại diện hợp pháp cho người bị hại Lò Thị T là bà Sa Thị Tr không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường trên là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với số tiền 85.000.000đ anh Lù Văn M (em trai bị cáo) đã bồi thường cho 03 người bị hại, tại phiên tòa anh M không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả, xét hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ đúng pháp luật cần chấp nhận

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lù Văn V (M) phạm tội Mua bán người và tội Mua bán trẻ em.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm d, e khoản 2 Điều 120; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lù Văn V (M) 03 (Ba) năm tù về tội Mua bán người, 09 (Chín) năm tù về tội Mua bán trẻ em. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Lù Văn V phải chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự

Áp dụng Điều 585 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường, gia đình bị cáo (đại diện là anh Lù Văn M) tự nguyện bồi thường cho người bị hại Lò Thị Q số tiền 25.000.000đ, cho bị hại Lò Thị T (do bà Sa Thị Tr là mẹ đẻ làm đại diện) số tiền 30.000.000đ, cho bị hại Đinh Thị H số tiền 30.000.000đ.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người bị hại; người đại diện hợp pháp cho người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối Cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- PC44 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo,
- Người bị hại, ĐDHP cho bị hại; NLQ.
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Phòng KTNV - THA;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Xuân Nghiêm

